

BÁO CÁO
Về việc thực hiện Quy chế công khai theo
thông tư 36/2017/TT-BGDĐT-KHTC

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công văn 3190/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Sở giáo dục và Đào tạo về việc nộp báo cáo thực hiện công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và ngân sách nhà nước theo Thông tư 61/2017/TT-BTC. Trường THPT Phan Thành Tài đã triển khai thực hiện và báo cáo như sau:

I. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Công khai điều kiện tuyển sinh đầu năm học 2023 - 2024

Nhà trường đã thực hiện thông báo các điều kiện tuyển sinh, niêm yết thông báo tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, phương án tuyển sinh lớp 10 (Phương án lựa chọn tổ hợp môn), điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ trên bản thông báo nhà trường.

2. Công khai các khoản thu, mức thu, cơ sở vật chất, tài chính

Thực hiện Quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính (có biểu mẫu kèm theo).

b) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị (có các biểu mẫu kèm theo).

Thực hiện chế độ miễn, giảm; hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Thông tin về các khoản thu và nguồn tài chính, đầu năm học 2023 - 2024:

Thực hiện theo Công văn 2027/SGDĐT-KHTC ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện các khoản thu, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2022-2023

Bảo hiểm y tế thu theo quy định của cấp trên 563.220đ/12 tháng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, riêng khối 12 thu 422.415đ/9 tháng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024 (thu thành 2 đợt).

3. Công khai thực hiện cam kết chất lượng đào tạo

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học.

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học.

II. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

a) Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường: <http://www.ptt-dn.edu.vn>

- Niêm yết công khai tại bảng tin,

b) Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 08 - 09 hằng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Trên đây là báo cáo thực hiện quy chế công khai theo thông tư 36/TT-BGDĐT-KHTC của trường THPT Phan Thành Tài./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTC Sở đề báo cáo;
- Hiệu trưởng;
- Các phó Hiệu trưởng;
- Công khai thông báo chung;
- Lưu: VT, HS3CK.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Đức Hà

Biểu mẫu 09
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN THÀNH TÀI
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông Phan Thành Tài, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Điều kiện tuyển sinh	479 - HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	473 - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	427 - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng. - Khối 10 và khối 11 học theo chương trình giáo dục 2018. - Khối 12 học theo chương trình giáo dục 2026			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp và toàn thể CMHS họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Đoàn viên, thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. Tổ chức cho học sinh học tập trải nghiệm ở nhiều nơi, nhiều đơn vị. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, ...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và			

		trường phát động (học sinh giỏi, TDTT, HTQPAN, KHKT...).			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức học sinh : 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập : Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phần đầu 99,5% lên lớp thẳng và tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt tỉ lệ trên 90%; Phần đầu có học sinh tổng điểm xét tuyển Đại học (3 môn) trên 26 điểm.. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tệ nạn trong học sinh.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 99,5%. - Duy trì sĩ số giảm không quá 1%	- Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 99,5%. - Duy trì sĩ số giảm không quá 1%	- Tỉ lệ tốt nghiệp 90% trở lên. - Đảm bảo học sinh có đủ kiến thức, có kỹ năng và thái độ tốt để đi học trên bậc THPT - Đỗ ĐH - CĐ phần đầu có học sinh tổng điểm xét tuyển Đại học (3 môn) trên 26 điểm.	

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Lê Đức Hà

Biểu mẫu 10
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN THÀNH TÀI
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông Phan
 Thành Tài , năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1345	476	429	440
1	Tốt, tỉ lệ so với tổng số	1168(86,84%)	393(82,65%)	361(84,15%)	414(94,09%)
2	Khá, tỉ lệ so với tổng số	165(12,27)	79(16,60%)	60(13,99%)	26(5,91%)
3	Trung bình, tỉ lệ so với tổng số	12(0,89%)	4(0,84%)	8(1,87%)	0(0%)
4	Yếu, tỉ lệ so với tổng số	0(0%)	0(0%)	0(0%)	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1345	476	429	440
1	Giỏi, tỉ lệ so với tổng số	187(13,90%)	57(11,97%)	44(10,26%)	86(19,55%)
2	Khá, tỉ lệ so với tổng số	756(56,21%)	226(47,48%)	222(51,75%)	308(70,00%)
3	Trung bình, tỉ lệ so với tổng số	393(29,22%)	186(40,55%)	161(37,86%)	46(10,45%)
4	Yếu, tỉ lệ so với tổng số	01(0,07%)	0	1(0,24%)	0
5	Kém, tỉ lệ so với tổng số	0(0%)	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1345	476	429	440
1	Lên lớp, tỉ lệ so với tổng số	1322(99,93%)	476(100,00%)	428(99,77%)	442(100%)
a	Học sinh giỏi, tỉ lệ so với tổng số	187(13,90%)	57(11,97%)	44(10,26%)	86(19,55%)
b	Học sinh tiên tiến, tỉ lệ so với tổng số	756(56,21%)	226(47,48%)	222(51,75%)	308(70,00%)
2	Thi lại, tỉ lệ so với tổng số	9(0,67%)	7(1,47%)	2(0,46%)	0
3	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)	1(0,07%)	0	1(0,23%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỉ lệ so với tổng số)	6/8(0,45%/0,59%)	3/3(0,63%/0,63)	3/5(0,70%/1,17)	0/0

5	Bị đuổi học (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi cấp TP	43	0	0	43
V	Số học sinh dự thi tốt nghiệp	440	0	0	440
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	434	0	0	434
VII	Số học sinh thi đỗ đại học/số dự xét tuyển	330	0	0	330/434
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	661/684	245/231	218/211	198/242
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	1	0	0	1

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Lê Đức Hà

Biểu mẫu 11
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN THÀNH TÀI
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông Phan Thành Tài,
năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		1.5
1	Phòng học kiên cố	21	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2 lớp/1 phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41 HS/1 lớp	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	21.487m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4500m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	2.702m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.337m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	654m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	93 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	711m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		1
1.2	Khối lớp 11		1
1.3	Khối lớp 12		1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	

2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	6	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	9	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	6	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	9	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		0	
XIII	Khu nội trú		0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Riêng	Nam	Riêng	Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	x	3	x	3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Lê Đức Hà

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông Phan Thành Tài, năm học 2023 - 2024

[illegible]

	viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	1						1							
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	...	3							3						

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Lê Đức Hà

